

Bản án số 272/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 03/7/2020

V/v Tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Tấn Chinh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Bà Nguyễn Thị Thu Cúc.

2/ Ông Trần Phú Nhuận.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Hoàng Trúc Ly - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Hoàng Văn Hoan – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 75/2020/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2020 về việc tranh chấp “Ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 75/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 67/2020/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, giữa:

**1. Nguyên đơn:**

Bà Lê Thị D, sinh năm 1981 (*xin vắng mặt*).

Địa chỉ: Ấp III, xã P, huyện T, tỉnh Đ.

**2. Bị đơn:**

Ông Huỳnh Văn L, sinh năm 1975 (*vắng mặt*).

Địa chỉ: Số 163/14/32N Đường H, Phường B, Quận M, TP. Hồ Chí Minh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ly hôn ngày 13 tháng 02 năm 2020 và bản tự khai nguyên đơn bà Lê Thị D trình bày:

Bà D và ông Huỳnh Văn L chung sống với nhau có làm đăng ký kết hôn ngày 29/6/2009 tại Ủy ban nhân dân Phường 13, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh. Quá trình chung sống do đôi bên bất đồng quan điểm, lối sống dẫn đến mâu thuẫn kéo dài không thể hàn gắn và không còn sống chung. Từ năm 2017 bà D và hai con đã về Đ ở đến nay. Nay bà D xác định tình cảm vợ chồng không còn xin được ly hôn với ông Luân.

- Về con chung: Có 02 con chung, Huỳnh Lê MH sinh ngày 22/01/1999 (*đã thành niên*) và Huỳnh Lê NH sinh ngày 18/3/2008. Khi ly hôn bà D xin được trực tiếp nuôi trẻ Huy, về cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ: Không có.

Ngoài ra không còn ý kiến, yêu cầu nào khác.

\* *Bị đơn ông Huỳnh Văn L*: Đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án tiến hành tố tụng. Không có bản khai cũng không có văn bản trình bày ý kiến.

Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Bà D xác nhận đã giao nộp đủ chứng cứ, do ông Luân vắng mặt, nên Tòa án không thể tiến hành phiên hòa giải; vì vậy Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

*Tại phiên tòa:*

- Nguyên đơn bà Lê Thị D có đơn xin vắng mặt.

- Bị đơn ông Huỳnh Văn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ mà vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai.

+ *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:*

- *Về thủ tục tố tụng*: Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, ra thông báo thụ lý vụ án đúng pháp luật, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp. Thẩm phán ra quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng những quy định về thủ tục tố tụng.

- *Về nội dung*: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà D là có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

Xét đơn khởi kiện tranh chấp “Ly hôn” của nguyên đơn bà D với bị đơn ông Luân, do bị đơn ông Luân cư trú tại Quận 10, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tòa án nhân dân Quận 10 đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đến bị đơn ông Luân, nhưng bị đơn ông Luân vẫn vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án tiến hành tố tụng và tiếp tục vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Về phía nguyên đơn bà D cũng có đơn xin vắng mặt. Do vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn bà D và bị đơn ông Luân là đúng theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

*Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà D:*

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 103, Quyền số 01/2009 ngày 29/6/2009 do Ủy ban nhân dân Phường B, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh cấp có cơ sở xác định bà Lê Thị D và ông Huỳnh Văn L là vợ, chồng hợp pháp được pháp luật công nhận. Nay bà D xác định tình cảm vợ chồng không còn, đặt yêu cầu ly hôn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Theo bà D khai bà và ông Luân chung sống với nhau không phù hợp về quan điểm, lối sống dẫn đến mâu thuẫn kéo dài không thể hàn gắn. Từ năm 2017 bà D và hai con đã về Đ sinh sống cho đến nay. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống, xin được ly hôn. Về phía ông Luân trong suốt quá trình Tòa án thụ lý vụ án mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng ông Luân cũng không đến Tòa để hòa giải, qua đó chứng tỏ tình cảm của ông Luân đối với bà D cũng không còn, nên ông cũng không tha thiết gì đến cuộc sống hôn nhân đang tồn tại, là có cơ sở phù hợp với lời khai của bà D về mâu thuẫn vợ chồng. Do đó, nếu cuộc sống hôn nhân của bà D và ông Luân có tiếp tục tồn tại cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận đơn ly hôn của bà D, xét xử cho bà D được ly hôn với ông Luân.

- Về con chung: Theo bà D khai có 02 con chung, Huỳnh Lê MH sinh ngày 22/01/1999 (*đã thành niên*) và Huỳnh Lê NH sinh ngày 18/3/2008. Khi ly hôn bà D xin được trực tiếp nuôi trẻ Huy, về cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu.

Xét thấy, việc giao con cho ai nuôi phải căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con. Đối với Huỳnh Lê MH sinh ngày 22/01/1999 (*đã thành niên*) nên Hội đồng xét xử không xem xét. Trẻ Huỳnh Lê NH sinh ngày 18/3/2008 đang ở với bà D và bà D cũng có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi trẻ Huy cũng phù hợp với nguyện vọng của trẻ Huy là xin được ở với Mẹ. Do vậy, Hội đồng xét xử giao trẻ Huy cho bà D nuôi là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: Hội đồng xét xử giao trẻ Huy cho bà D trực tiếp

nuôi dưỡng, nhưng bà D không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung: Theo bà D khai không có, nên không có gì giải quyết.

- Về nợ: Theo bà D khai không có, nên không có gì giải quyết.

- *Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: 300.000 (ba trăm nghìn) đồng*, nguyên đơn bà D chịu theo quy định tại Điều 3, Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã tạm nộp theo biên lai thu tiền số AA/2019/0014367 ngày 19/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57, 58, 81, 82, 110, 116 và Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 3, Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị D về việc tranh chấp “Ly hôn” với bị đơn ông Huỳnh Văn L,

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị D được ly hôn với ông Huỳnh Văn L.

1.2. Về con chung: Giao bà Lê Thị D trực tiếp nuôi dưỡng con Huỳnh Lê NH sinh ngày 18/3/2008. Về cấp dưỡng nuôi con bà Lê Thị D không yêu cầu.

Ông Huỳnh Văn L có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con.

Vì quyền lợi về mọi mặt của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

1.3. Về tài sản chung: Theo bà Lê Thị D khai không có.

1.4. Về nợ: Theo bà Lê Thị D khai không có.

2. Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nguyên đơn bà Lê Thị D chịu. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn bà Lê Thị D đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2019/0014367 ngày 19/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này. Thời hạn kháng cáo là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với bà Lê Thị D và ông Huỳnh Văn L không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.10;
- THADS Q.10;
- UBND P13, Q10 để ghi chú vào sổ hộ tịch;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Tấn Chính**